

# **ĐIỀU KIỆN GIAO DỊCH CHUNG ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP VAY THEO HẠN MỨC KHÔNG CÓ TÀI SẢN BẢO ĐẢM TẠI VPBANK**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ 414/2017/QĐ-TGD có hiệu lực ngày 05/06/2017 của Tổng Giám đốc VPBank)*

Bản điều kiện giao dịch chung áp dụng cho Khách hàng doanh nghiệp vay theo hạn mức không có tài sản bảo đảm tại VPBank này (“**Điều Kiện Giao Dịch Chung**”) là phụ lục gắn liền, không tách rời của Hợp đồng cho vay theo hạn mức đã được ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng mà trong Hợp đồng cho vay theo hạn mức đó có dẫn chiếu áp dụng đến Điều Kiện Giao Dịch Chung (“**Hợp Đồng**”).

Bằng việc ký vào Hợp Đồng:

- (i) Bên vay xác nhận là đã đọc, hiểu rõ các điều khoản và điều kiện trong Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các quy định có liên quan khác của Bên Ngân hàng và pháp luật; và
- (ii) Bên Ngân hàng và Bên vay chấp nhận và cam kết tuân thủ đúng các điều khoản và điều kiện sau:

## **Điều 1. Giải thích từ ngữ**

1. **Bên vay:** Là Bên vay có thông tin chi tiết như nêu tại Hợp Đồng;
2. **Bên Ngân hàng/VPBank:** được hiểu bao gồm Hội sở, các chi nhánh, phòng giao dịch và các trung tâm trực thuộc của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và có thông tin chi tiết như nêu tại Hợp Đồng.

## **Điều 2. Hạn Mức Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay, Đồng Tiền Cho Vay Và Thời Hạn Duy Trì Hạn Mức Và Phương Thức Cho Vay**

1. Hạn mức cho vay, Mục đích sử dụng vốn vay, Thời hạn duy trì hạn mức, Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức: Thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
2. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức.

## **Điều 3. Điều Kiện Vay Vốn, Giải Ngân, Phương Thức Giải Ngân**

1. Điều kiện vay vốn, giải ngân: Mỗi lần có nhu cầu vay vốn và nhận giải ngân thuộc hạn mức, Bên vay phải gửi trước cho Bên Ngân hàng ít nhất 05 ngày làm việc các giấy tờ sau: Giấy đề nghị giải ngân; các chứng từ, tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn và các giấy tờ khác theo yêu cầu của Bên Ngân hàng. Nếu được Bên Ngân hàng đồng ý, Bên vay sẽ ký Khế ước nhận nợ và các giấy tờ liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng, các giấy tờ này là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Trừ trường hợp Bên Ngân hàng có chấp thuận khác, Bên Ngân hàng chỉ cho vay và giải ngân khi Bên vay và Bên liên quan (nếu có):
  - a) Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện vay vốn và điều kiện giải ngân, hoàn tất các thủ tục về tài sản bảo đảm, mua bảo hiểm và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - b) Không xảy ra các trường hợp Bên vay bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này;
  - c) Ngày giải ngân nằm trong Thời hạn duy trì hạn mức;
  - d) Số tiền giải ngân nằm trong phạm vi Hạn mức cho vay khả dụng còn lại của Bên vay;
  - e) Điều kiện khác như thỏa thuận tại Hợp Đồng (nếu có).

Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền từ chối giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do điều kiện thực tế của

Bên Ngân hàng không thể giải ngân.

2. Bên vay phải rút vốn vay lần đầu trong thời hạn như quy định tại Hợp Đồng.
3. Phương thức giải ngân: thực hiện theo thỏa thuận của Các Bên tại mỗi lần vay vốn và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ ký kết giữa Các Bên.

#### **Điều 4. Lãi Suất, Phí Và Các Chi Phí Khác**

1. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
2. Trường hợp Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn và thời gian vay thực tế của Bên vay là không quá 15 ngày, Bên vay sẽ phải chịu mức lãi suất cho vay theo ngày với mức bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng nhưng số tiền lãi vay tối thiểu trong mọi trường hợp phải bằng 0,3% giá trị khoản vay hoặc 200.000 đồng tùy theo giá trị nào cao hơn.
3. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và (các) Khế ước nhận nợ.
4. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn), Phương pháp tính lãi áp dụng đối với dư nợ gốc, Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Thực hiện theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
5. Phí liên quan đến khoản vay: Bên vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân hàng các khoản phí sau đây:
  - a) Phí trả nợ trước hạn;
  - b) Phí cam kết rút vốn;
  - c) Các khoản phí khác theo quy định của Bên Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Trừ trường hợp Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này có quy định khác hoặc Các Bên có thỏa thuận khác, các loại phí, mức phí mà Bên vay phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được Bên Ngân hàng niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website ([www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn)) của Bên Ngân hàng tại thời điểm thu phí. Bên vay đồng ý và ủy quyền cho Bên Ngân hàng tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của Bên vay tại Bên Ngân hàng để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

6. Bên vay đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

#### **Điều 5. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay**

1. Bên Ngân hàng đồng ý cho Bên vay vay vốn trên cơ sở khả năng tài chính, uy tín của Bên vay và bảo lãnh của các thành viên/ cổ đông với các thông tin Bên bảo lãnh, Hợp đồng bảo lãnh như được ghi nhận chi tiết tại Hợp Đồng (nếu có).

2. Bên vay đồng ý rằng trong suốt thời hạn vay vốn, nếu xảy ra bất cứ sự kiện nào mà theo nhận định đơn phương của Bên Ngân hàng là có ảnh hưởng hoặc có khả năng ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay hoặc khiến Bên vay không đủ điều kiện để được vay không có tài sản bảo đảm theo quy định của Bên Ngân hàng, thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên Ngân hàng yêu cầu, Bên vay phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố hoặc ký quỹ cho Bên Ngân hàng. Tài sản đưa vào cầm cố, thế chấp và/hoặc ký quỹ phải có giá trị (theo định giá của Bên Ngân hàng) đủ để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác của Bên vay đối với Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và phải được Bên Ngân hàng chấp thuận. Bên vay phải chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc hoàn thiện thủ tục bảo đảm tiền vay (công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm vv...) theo quy định của pháp luật và quy định của Bên Ngân hàng. Nếu Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc thu xếp biện pháp bảo đảm khác theo đúng quy định này trong thời hạn nêu trên, thì Bên Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn theo đúng quy định tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
3. Trường hợp Bên vay phải bổ sung thêm Tài sản bảo đảm và Bên Ngân hàng có yêu cầu về việc mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm đó, Bên vay có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm hoặc bảo đảm Bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm theo đúng thời hạn và các điều kiện, yêu cầu của Bên Ngân hàng. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản này, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:
  - a) Mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm và trích bất kỳ tài khoản, tiền gửi nào của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng để thanh toán tiền phí bảo hiểm, trường hợp tài khoản của Bên vay không có hoặc không có đủ tiền để thanh toán tiền phí bảo hiểm, Bên vay phải nhận nợ với bất kỳ số tiền phí bảo hiểm nào đã được Bên Ngân hàng thanh toán theo các điều kiện nhận nợ (lãi suất, thời hạn) theo thông báo của Bên Ngân hàng.
  - b) Tăng lãi suất cho vay đối với khoản vay của Bên vay.
  - c) Phạt vi phạm đối với Bên vay theo quy định của Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
  - d) Dừng giải ngân, chấm dứt nợ vay, thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.
4. Không phụ thuộc vào quy định tại Điều này, trường hợp Bên vay có bất kỳ tài sản bảo đảm nào tại Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng được quyền chỉ giải tỏa tài sản bảo đảm này cho Bên vay khi Bên vay đã hoàn tất mọi nghĩa vụ với Bên Ngân hàng, bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán nợ vay theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này.

## **Điều 6. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay**

1. Bên vay phải thanh toán nợ gốc, tiền lãi của các khoản vay trong hạn mức cho Bên Ngân hàng theo đúng thỏa thuận tại Hợp Đồng.
2. Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi theo bất kỳ một Khế ước nhận nợ nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Bên Ngân hàng có quyền dừng giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay của từng khoản vay theo (các) Khế ước nhận nợ.
3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ của Bên Ngân hàng hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì Bên vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên vay thực tế trả nợ.
4. Trường hợp Bên vay muốn thanh toán nợ cho Bên Ngân hàng trước thời hạn, Bên vay phải

thông báo trước bằng văn bản cho Bên Ngân hàng ít nhất 05 ngày làm việc và phải được Bên Ngân hàng đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho Bên Ngân hàng khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo mức do Bên Ngân hàng thông báo tại thời điểm Bên vay trả nợ trước hạn. Nếu Bên vay không đồng ý với mức tiền phí trả nợ trước hạn theo thông báo của Bên Ngân hàng thì Bên vay phải trả toàn bộ lãi cho toàn bộ thời hạn vay còn lại theo quy định về thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn của Bộ Luật dân sự.

5. Bên vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. Trường hợp Bên Ngân hàng chủ động trích nợ tài khoản của Bên vay để thu nợ mà tài khoản đó có loại tiền khác với loại tiền vay, Bên Ngân hàng được quyền thực hiện việc mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay như quy định tại Khoản 6 Điều này để thực hiện thu nợ đúng loại tiền vay.
6. Việc thanh toán các khoản nợ của Bên vay được thực hiện trực tiếp tại trụ sở các địa điểm kinh doanh của Bên Ngân hàng. Bên vay có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các phương thức thu nợ khác do Bên Ngân hàng triển khai tại từng thời kỳ. Bên vay có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại Bên Ngân hàng và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để Bên Ngân hàng thu nợ khi đến hạn. Bên Ngân hàng có quyền tự động tạm khóa, trích tài khoản nêu trên hoặc bất kỳ tài khoản nào khác (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên vay mở tại Bên Ngân hàng để thu nợ hoặc bảo đảm thu nợ khi đến hạn. Nếu các tài khoản của Bên vay có loại tiền khác với loại tiền vay và Bên Ngân hàng có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên vay trả nợ, thì Bên Ngân hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên vay theo tỷ giá mà Bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, Bên Ngân hàng sẽ yêu cầu Bên vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của Bên Ngân hàng, trường hợp Bên vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, Bên Ngân hàng có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên vay theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Việc Bên Ngân hàng bán ngoại tệ để Bên vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
7. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên vay trả nợ cho Bên Ngân hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Ngân hàng kể từ ngày Bên Ngân hàng thông báo cho Bên vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên vay chấp nhận việc Bên Ngân hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên vay chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
8. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
  - a) Đối với các khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, Bên Ngân hàng sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của Bên Ngân hàng (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.
  - b) Đối với các khoản vay bị chuyển quá hạn, Bên Ngân hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của Bên Ngân hàng, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.

## **Điều 7. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ Và Xem Xét Lại Hạn Mức Cho Vay**

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 ngày, nếu Bên vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. Bên Ngân hàng trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên vay có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên vay. Nếu Bên vay được Bên Ngân hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ,

khoản vay của Bên vay sẽ được áp dụng mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu thời hạn trả nợ, Bên vay đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Bên Ngân hàng và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được Bên Ngân hàng thông báo.

3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của Các Bên.
4. Trong Thời hạn duy trì hạn mức cho vay, Bên Ngân hàng được quyền định kỳ theo quy định của Bên Ngân hàng hoặc đột xuất xem xét, đánh giá lại Hạn mức cho vay và Thời hạn duy trì hạn mức cho vay đã cấp cho Bên vay theo Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Bên Ngân hàng được quyền điều chỉnh lại Hạn mức cho vay và Thời hạn duy trì hạn mức cho vay theo kết quả xem xét, đánh giá của Bên Ngân hàng, trường hợp này Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay được biết. Bên vay đồng ý và cam kết thực hiện Hợp Đồng theo Thông báo của Bên Ngân hàng.

#### **Điều 8. Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi**

1. Bên Ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của Bên vay trong các trường hợp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng.
2. Việc Bên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc Bên Ngân hàng thực hiện các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Kể từ thời điểm quá hạn, Bên Ngân hàng có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.
3. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều Kiện Giao Dịch Chung này. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
4. Khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị xử lý theo đúng quy định tại Hợp Đồng.

#### **Điều 9. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ**

1. Bên vay hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra trường hợp quy định tại Hợp Đồng hoặc một trong các trường hợp sau đây, Bên vay sẽ không được Bên Ngân hàng giải ngân, sẽ bị Bên Ngân hàng chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho Bên Ngân hàng:
  - a) Bên vay cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực khi đề nghị vay vốn hoặc trong quá trình vay vốn tại Bên Ngân hàng;
  - b) Bên vay không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Hợp Đồng, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - c) Bên vay sử dụng vốn sai mục đích;
  - d) Bên vay có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với Bên Ngân hàng trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với Bên Ngân hàng trong quá trình Bên Ngân hàng kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho Bên Ngân hàng các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của Bên Ngân hàng;
  - e) Bên vay thực hiện thay đổi lớn bộ máy quản trị, điều hành, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp;
  - f) Tình hình tài chính, thu nhập, tài sản của Bên vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Người đại diện theo pháp luật, người quản

lý của Bên vay bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay cho Bên Ngân hàng;

- g) Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân hàng nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Bên Ngân hàng;
  - h) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
    - Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân hàng;
    - Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Bên Ngân hàng.
  - i) Bên vay phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại Bên Ngân hàng hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;
  - j) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và/hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay hoặc xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
  - k) Bên vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của Bên Ngân hàng từng thời kỳ; hoặc Bên vay không cung cấp cho Bên Ngân hàng báo cáo thực trạng tài chính trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - l) Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên Ngân hàng liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;
  - m) Bên vay/Bên liên quan không thực hiện tái tục hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc Bên vay bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm;
  - n) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của Bên vay không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;
  - o) Bên vay có tên trong danh sách ngừng hoạt động/tạm nghỉ kinh doanh trên website của Tổng cục thuế;
  - p) Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;
  - q) Bên vay không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - r) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên Ngân hàng phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai mà Bên Ngân hàng được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay;
  - s) Các trường hợp khác mà Bên Ngân hàng xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay.
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa

vụ) căn cứ vào tình hình thực tế để quyết định thu hồi nợ trước hạn và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên vay thuộc phạm vi Bên Ngân hàng thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.

3. Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Thông báo của Bên Ngân hàng sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của Bên vay (nếu có). Bên vay cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của Bên Ngân hàng.
4. Xử lý nợ vay: Trường hợp Bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này, Bên Ngân hàng được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:
  - a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
  - b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại Bên Ngân hàng và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
  - c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên vay tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên vay tại Bên Ngân hàng;
  - d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Ngân hàng đối với Bên vay (nếu có);
  - e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên vay với Bên Ngân hàng thì Bên vay có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho Bên Ngân hàng.

#### **Điều 10. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu Trong Quá Trình Cho Vay**

1. Bên vay cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. Bên vay cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của Bên Ngân hàng bị ảnh hưởng.
2. Trong quá trình vay vốn, Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Ngân hàng:
  - a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh Bên vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của Bên Ngân hàng;
  - b) Báo cáo tài chính của Bên vay, cụ thể chậm nhất **vào ngày 30 tháng 4 hàng năm**, Bên vay phải cung cấp cho Bên Ngân hàng Báo cáo tài chính của Bên vay cho năm tài chính liền kề trước đó. Ngoài Báo cáo này, tùy từng trường hợp Bên vay đồng ý cung cấp cho Bên Ngân hàng Báo cáo tài chính được lập cho từng quý, nửa năm hoặc cho một khoảng thời gian nhất định khi được Bên Ngân hàng yêu cầu;
  - c) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;
  - d) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân hàng.

3. Ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, Bên vay có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân hàng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
  - Bên vay thay đổi trụ sở, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa hai Bên.
  - Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm e, f, g, h và n, Khoản 1, Điều 9 của Điều Kiện Giao Dịch Chung này;
4. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, Bên vay đồng ý với các biện pháp xử lý mà Bên Ngân hàng áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho Bên Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

#### **Điều 11. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại**

1. Trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên Ngân hàng và Bên vay, Bên vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, Bên vay có nghĩa vụ bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà Bên Ngân hàng phải gánh chịu do vi phạm của Bên vay.
2. Khi phát sinh vi phạm, Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí khác và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của Bên vay. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường, Bên vay đồng ý bồi hoàn cho Bên Ngân hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư và các chi phí phát sinh khác mà Bên Ngân hàng đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của Bên vay. Việc bồi thường, bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của Bên Ngân hàng và Bên Ngân hàng không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào.
3. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp Bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.
4. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của Bên Ngân hàng trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi Bên vay vi phạm theo Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này.

#### **Điều 12. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng**

1. Quyền của Bên Ngân hàng:
  - a) Từ chối giải ngân tiền vay nếu Bên vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Ngân hàng hoặc Bên Ngân hàng không có đủ điều kiện để giải ngân tại thời điểm Bên vay yêu cầu;
  - b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng và Điều Kiện Giao Dịch Chung này, các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay;
  - c) Được quyền yêu cầu Bên vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên vay để thanh toán các khoản nợ cho Bên Ngân hàng đầy đủ, đúng hạn;
  - d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên vay;
  - e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên vay thông báo, cung cấp thông tin về việc



sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;

- f) Được yêu cầu Bên vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho Bên Ngân hàng trong các trường hợp Bên Ngân hàng nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
- g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;
- h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên vay theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này mà không cần phải có sự đồng ý của Bên vay;
- i) Có quyền sử dụng các thông tin về Bên vay và các khoản tín dụng của Bên vay bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Bên vay cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật hoặc cung cấp cho các đối tác liên quan có hợp tác với Bên Ngân hàng để phát triển, cung cấp hoặc liên quan đến việc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng;
- j) Trường hợp Bên vay có nhiều người, thì tất cả các Bên vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên vay, Bên Ngân hàng có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các Bên vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này;
- k) Được quyền sửa đổi, điều chỉnh bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều Khoản Giao Dịch Chung tùy từng thời điểm mà Bên Ngân hàng cho là phù hợp tùy theo quyết định của Bên Ngân hàng. Phương thức gửi và nhận các thông báo sửa đổi, điều chỉnh Điều Khoản Giao Dịch Chung giữa Bên Ngân hàng và Bên vay thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Điều Khoản Giao Dịch Chung này. Bên vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân hàng nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng sau thời điểm Bên Ngân hàng thông báo.

2. Nghĩa vụ của Bên Ngân hàng:

- a) Giải ngân tiền vay cho Bên vay theo đúng thỏa thuận;
- b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.

3. Bên Ngân hàng có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này và theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay**

1. Quyền của Bên vay:

- a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ Bên Ngân hàng theo đúng thỏa thuận;
- b) Được yêu cầu Bên Ngân hàng giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Bên vay (nếu có) sau khi Bên vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng.

2. Nghĩa vụ của Bên vay:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân hàng trong suốt quá trình vay vốn;

- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
  - c) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để Bên Ngân hàng trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên vay;
  - d) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này trong các trường hợp Bên Ngân hàng có yêu cầu;
  - e) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan. Bên vay hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được Bên Ngân hàng điều chỉnh phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này và/hoặc các văn bản liên quan;
  - f) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản liên quan ký giữa Các Bên, nếu vi phạm mà gây thiệt hại thì bồi thường cho Bên Ngân hàng toàn bộ thiệt hại phát sinh như quy định tại Điều 11 Điều Khoản Giao Dịch Chung này bao gồm nhưng không hạn chế bởi các thiệt hại như: chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm; chi phí luật sư, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án; các khoản chi phí mà Bên Ngân hàng phải bồi thường hay chịu phạt với Bên thứ ba do vi phạm của Bên vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây nên v.v...;
  - g) Trường hợp Bên vay được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được giải ngân vào tài khoản thanh toán của Bên vay, Bên vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Bên vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân hàng các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Ngân hàng thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Ngân hàng;
  - h) Trong mọi trường hợp sẽ sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập của mình và toàn bộ tài sản thuộc sở hữu và/hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của mình để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của Bên vay với Bên Ngân hàng theo Hợp Đồng, Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản, thỏa thuận khác. Bên vay cam kết sẽ tự nguyện thực hiện cam kết tại điểm này bằng mọi hình thức, bàn giao các tài sản nói trên của mình cho Bên Ngân hàng và hỗ trợ Bên Ngân hàng trong việc nhận và xử lý các tài sản đó để trả nợ cho Bên Ngân hàng;
  - i) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
  - j) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên Ngân hàng đồng ý bằng văn bản.
3. Bên vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với Bên Ngân hàng và theo quy định của pháp luật.
4. Cam kết và bảo đảm của Bên vay: Bên vay cam kết và bảo đảm như sau:
- a) Đại diện của Bên vay ký kết Hợp Đồng và các văn bản tín dụng liên quan là người đại diện hợp pháp và có đủ thẩm quyền ký theo quy định nội bộ của Bên vay và quy định của pháp luật.
  - b) Các giao dịch theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản tín dụng có liên quan được ký với Bên Ngân hàng đã được phê duyệt đầy đủ, hợp lệ bởi cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Bên vay và quy định của pháp luật.

- c) Bên vay chấp nhận rằng các thông báo, ấn định lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí phạt, chi phí...theo quy định tại Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này và các văn bản có liên quan được ký với Bên Ngân hàng đối với Bên vay là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Bên vay đối với Bên Ngân hàng, trừ trường hợp có sự sai sót rõ trong tính toán số học.
- d) Khi có sự kiện gây ảnh hưởng bất lợi đến việc duy trì các khoản cấp tín dụng của Bên vay theo xác định của Bên Ngân hàng, Bên Ngân hàng sẽ thông báo cho Bên vay và Bên Ngân hàng có quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau: (i) Tạm dừng, dừng thực hiện/tuyên bố hủy bỏ cam kết cấp tín dụng theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này, văn bản tín dụng có liên quan hoặc (ii) Thay đổi tăng lãi suất cho vay hoặc (iii) Yêu cầu Bên vay thanh toán chi phí gia tăng bổ sung. Việc áp dụng các biện pháp này sẽ do Bên Ngân hàng thông báo bằng văn bản cho Bên vay và văn bản thông báo có giá trị ràng buộc nghĩa vụ đối với Bên vay.

#### **Điều 14. Trao Đổi Thông Tin**

1. Các thông báo, văn bản giao dịch giữa Bên Ngân hàng và Bên vay sẽ được gửi theo địa chỉ của mỗi Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng. Trường hợp Bên nào có sự thay đổi địa chỉ thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên kia có quyền gửi văn bản theo địa chỉ cũ và mặc nhiên coi như Bên còn lại đã nhận được văn bản và nội dung các văn bản này có giá trị ràng buộc Các Bên.
2. Văn bản thông báo, trao đổi thông tin liên quan đến Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này được một Bên lập và gửi tới Bên kia sẽ được coi là đã được nhận bởi Bên kia vào thời điểm:
  - a) Văn bản giấy được gửi trực tiếp tới người có liên quan tại địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp Đồng, hoặc,
  - b) Ngày làm việc liền sau ngày văn bản giấy được gửi bằng thư bảo đảm tới địa chỉ được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng , hoặc,
  - c) Vào ngày làm việc liền sau ngày văn bản được gửi bằng Fax tới số Fax được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng và khi gửi Fax, máy Fax đã thông báo gửi và nhận thành công.
3. Ngoài phương thức trao đổi thông tin như quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Bên Ngân hàng có thể thông báo cho Bên vay các vấn đề liên quan tới khoản vay theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này cũng như các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân hàng bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều Khoản Giao Dịch Chung này, các điều chỉnh về chính sách của Bên Ngân hàng đối với các khoản vay theo Hợp Đồng và Điều Khoản Giao Dịch Chung này bằng một trong các phương thức liên hệ do Bên Ngân hàng triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS, gửi email tới số điện thoại, email được Bên vay đăng ký với Bên Ngân hàng tại phần đầu Hợp Đồng; niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của Bên Ngân hàng (website: [www.vpbank.com.vn](http://www.vpbank.com.vn)).
4. Bên vay được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân hàng khi Bên Ngân hàng đã thông báo bằng một/ một số trong các phương thức nêu trên tới địa chỉ của Bên vay, số điện thoại, email được Bên vay đăng ký với Bên Ngân hàng hoặc đã thông báo trên website của Bên Ngân hàng. Bên Ngân hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Bên vay đã nhận được các thông báo này. Trường hợp Bên vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với Bên Ngân hàng thì phải thông báo cho Bên Ngân hàng bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên Ngân hàng có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ

và mặc nhiên coi như Bên vay đã nhận được thông báo khi Bên Ngân hàng thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên vay.

5. Bên vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân hàng nếu Bên vay tiếp tục duy trì khoản vay tại Bên Ngân hàng sau thời điểm Bên Ngân hàng thông báo.

**Điều 15. Ngôn ngữ và hiệu lực**

Điều Khoản Giao Dịch Chung này được lập bằng tiếng Việt, có hiệu lực và được áp dụng với Bên vay kể từ ngày Hợp Đồng có hiệu lực cho đến khi Bên vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân hàng.